

Số: /TB-KSBT

Đồng Tháp, ngày tháng 06 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Yêu cầu báo giá**

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu tiếp nhận báo giá tham khảo, chuẩn bị, dự phòng xây dựng giá làm cơ sở tổ chức đấu thầu “Mua hóa chất xét nghiệm khám sức khoẻ toàn dân năm 2026” khi được triển khai với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Nguyễn Thanh Liêm – Viên chức – Khoa dược – VTYT; Số điện thoại: 0865900745; Email: [tliem0408@gmail.com](mailto:tliem0408@gmail.com)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - \* Bằng 02 hình thức, cụ thể:
    - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phạm Nguyễn Thanh Liêm – Viên chức – Khoa dược – VTYT - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (Cơ sở 2)– Địa chỉ: 394 Lê Đại Hành, phường Mỹ Trà, Đồng Tháp.
    - Nhận qua email: [tothaucdcdt@gmail.com](mailto:tothaucdcdt@gmail.com)
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 13h00 ngày 17 tháng 06 năm 2026 đến trước 16h00 ngày 27 tháng 06 năm 2026.  
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 27 tháng 06 năm 2026.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục hàng hoá:

STT	Danh mục hàng hoá	Mô tả yêu cầu về hàng hoá và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
<b>I. Hóa chất cho máy sinh hóa tự động AU 400 (Hãng/nước sản xuất Olympus - Nhật Bản)</b>				
1	Hóa chất xét nghiệm Glucose	- Quy cách: $\geq 10 \times 44$ ml; - Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người; - Phương pháp: "GOD-POD": Đo quang enzymatic; - Dải đo: $\leq 2.34 - \geq 450$ mg/dl;	ml	1

		Thành phần: R1: Phosphate buffer $\geq 250$ mmol/l, Glucose oxidase $> 25$ U/ml, Peroxidase $> 2$ U/ml, Phenol $\geq 5$ mmol/l, 4-aminoantipyrine $\geq 0.5$ mmol/l.		
2	Hóa chất xét nghiệm ALT/GPT	- Quy cách: R1: $\geq 2 \times 44$ ml, R2: $\geq 2 \times 11$ ml - Hóa chất xét nghiệm định lượng GGT trong huyết thanh và huyết tương người. - Phương pháp: Đo hoạt độ enzym GGT theo Szasz / Persijn. Dải đo: $\leq 1.68 - \geq 500$ U/l. - Thành phần: R1: Tris buffer (pH 8.25) $\geq 125$ mmol/l, Glycyl Glycine $\geq 125$ mmol/l; R2: L- $\gamma$ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide $\geq 20$ mmol/l.	ml	1
3	Hóa chất xét nghiệm AST/GOT	- Quy cách: R1: $\geq 6 \times 44$ ml, R2: $\geq 3 \times 22$ ml; - Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT (Aspartate Aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp: Đo hoạt độ enzym theo IFCC không có pyridoxal phosphat. - Dải đo: $\leq 3.84 - \geq 390$ U/L. - Thành phần: R1: Tris buffer (pH 7.8) $\geq 110$ mmol/l, L-aspartic acid $\geq 340$ mmol/l, LDH $\geq 4000$ U/l, MDH $\geq 750$ U/l; R2: CAPSO $\geq 20$ mmol/l, 2-oxoglutarate $\geq 85$ mmol/l, NADH $\geq 1.05$ mmol/l.	ml	1
4	Hóa chất xét nghiệm GGT	- Quy cách: R1: $\geq 2 \times 44$ ml, R2: $\geq 2 \times 11$ ml - Hóa chất xét nghiệm định lượng GGT trong huyết thanh và huyết tương người. - Phương pháp: Đo hoạt độ enzym GGT theo Szasz / Persijn. Dải đo: $\leq 1.68 - \geq 500$ U/l. - Thành phần: R1: Tris buffer (pH 8.25) $\geq 125$ mmol/l, Glycyl Glycine $\geq 125$ mmol/l; R2: L- $\gamma$ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide $\geq 20$ mmol/l.	ml	1
5	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	- Quy cách: $\geq 10 \times 44$ ml - Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. - Phương pháp: "CHOD-POP": Đo quang enzymatic. - Dải đo: $\leq 4.2 - \geq 695$ mg/dl - Thành phần: R1: Good's Buffer $\geq 50$ mmol/l, Phenol $\geq 5$ mmol/l, 4-aminoantipyrine $\geq 0.3$ mmol/l, Cholesterol esterase $\geq 200$ U/l, Cholesterol oxidase $\geq 50$ U/l, Peroxidase $\geq 3$ kU/l.	ml	1
6	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	- Quy cách: $\geq 10 \times 44$ ml; - Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương người; - Phương pháp: So màu enzymatic sử dụng GPO, PAP, thuốc thử đơn; - Dải đo: $\leq 9.74 - \geq 1062$ mg/dl; - Thành phần: R1: Good's buffer (pH 7.2) $\geq 50$ mmol/l, 4-Chlorophenol $\geq 4$ mmol/l, Mg $^{2+}$ $\geq 15$ mmol/l, ATP 2 mmol/l, Glycerolkinase $\geq 0.4$ KU/l,	ml	1

		Peroxidase $\geq 2.0$ KU/l, Lipoproteinlipase $\geq 2.0$ KU/l, Glycerol-3-phosphate-Oxidase $\geq 0.5$ KU/l, 4-Aminoantipyrine $\geq 0.5$ mmol/l.		
7	Hóa chất xét nghiệm HDL-Direct	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách: R1: <math>\geq 4 \times 30</math> ml, R2: <math>\geq 4 \times 10</math> ml;</li> <li>- Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người;</li> <li>- Phương pháp: Đo quang enzymatic trực tiếp với PVS, PEGME.</li> <li>Dải đo: <math>\leq 1.90 - \geq 193</math> mg/dl;</li> <li>- Thành phần: R1: MES buffer (pH 6.5) <math>\geq 6.5</math> mmol/l, TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline) <math>\geq 3</math> mmol/l, Polyvinyl sulfonic acid <math>\geq 50</math> mg/l, Polyethylene-glycol-methyl ester <math>\geq 30</math> ml/l, MgCl<sub>2</sub> <math>\geq 2</math> mmol/l; R2: MES buffer (pH 6.5) <math>\geq 50</math> mmol/l, Cholesterol esterase <math>\geq 5</math> kU/l, Cholesterol oxidase <math>\geq 20</math> kU/l, Peroxidase <math>\geq 5</math> kU/l, 4-aminoantipyrine <math>\geq 0.9</math> g/l, Detergent <math>\geq 0.5</math> %.</li> </ul>	ml	1
8	Hóa chất xét nghiệm LDL-Direct	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách: R1: <math>\geq 2 \times 30</math> ml, R2: <math>\geq 2 \times 10</math> ml;</li> <li>- Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người;</li> <li>- Phương pháp: Đo quang enzymatic trực tiếp với PVS, PEGME;</li> <li>- Dải đo: <math>\leq 2.60 - \geq 263</math> mg/dl;</li> <li>- Thành phần: R1: MES buffer (pH 6.5) <math>\geq 50</math> mmol/l, Polyvinylsulfonic acid <math>\geq 50</math> mg/l, Polyethyleneglycolmethylester 30 ml/l, 4-aminoantipyrine <math>\geq 0.9</math> g/l, Cholesterol esterase <math>\geq 5</math> kU/l, Cholesterol oxidase <math>\geq 20</math> kU/l, Peroxidase <math>\geq 5</math> kU/l, Detergent; R2: MES buffer (pH 6.5) <math>\geq 50</math> mmol/l, Detergent, TODB N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline <math>\geq 3</math> mmol/l.</li> </ul>	ml	1
9	Hóa chất xét nghiệm Urea	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách: R1: <math>\geq 5 \times 44</math> ml, R2: <math>\geq 5 \times 11</math> ml;</li> <li>- Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người;</li> <li>- Phương pháp: Đo động học sử dụng GLDH;</li> <li>- Dải đo: 11.5 - 300 mg/dl;</li> <li>- Thành phần: R1: Tris Buffer <math>\geq 100</math> mmol/l, <math>\alpha</math>-Ketoglutarate <math>\geq 5.49</math> mmol/l, Urease (Jack Bean) <math>\geq 10</math> KU/l, GLDH (Microorganism) <math>\geq 3.8</math> KU/l; R2: NADH <math>\geq 1.66</math> mmol/l, Also contains non-reactive fillers and stabilisers.</li> </ul>	ml	1
10	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách: R1: <math>\geq 5 \times 44</math> ml, R2: <math>\geq 5 \times 11</math> ml;</li> <li>- Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người;</li> <li>- Phương pháp: Đo động học không khử protein theo phương pháp Jaffé;</li> <li>- Dải đo: <math>\leq 0.08 - \geq 18</math> mg/dl;</li> <li>- Thành phần: R1: Sodium Hydroxide <math>\geq 240</math> mmol/l; R2: Picric Acid <math>\geq 26</math> mmol/l;</li> </ul>	ml	1
11	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách: R1: <math>\geq 5 \times 44</math>ml, R2: <math>\geq 5 \times 11</math>ml</li> <li>- Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric Acid trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.</li> </ul>	ml	1

		- Phương pháp: So màu enzymatic. - Dải đo: $\leq 0.49 - \geq 25$ mg/dl. - Thành phần: R1: Pipes Buffer (pH 7.0) $\geq 50$ mmol/l, DHBS $\geq 0.50$ mmol/l, Uricase $\geq 0.32$ kU/l, Peroxidase $\geq 1.0$ kU/l, 4-Aminoantipyrine $\geq 0.31$ mmol/l		
12	Hóa chất chuẩn HDL/LDL	- Quy cách: $\geq 2 \times 1$ ml; - Hóa chất hiệu chuẩn dùng để vẽ đường chuẩn cho xét nghiệm xác định nồng độ HDL/LDL trong mẫu huyết thanh.	ml	2
13	Hóa chất xét nghiệm Calcium	- Quy cách: $\geq 10 \times 12$ ml; - Hóa chất xét nghiệm định lượng Canxi trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người; - Phương pháp: đo quang sử dụng Arsenaso III; - Dải đo: $\leq 0.6 - \geq 16$ mg/dl; - Thành phần: R1: Arsenaso III $\geq 0.10$ mmol/l, phosphate buffer.	ml	1
14	Erba Path 20 ml	- Quy cách: $\geq 4 \times 5$ ml; - Huyết thanh chứng nội dùng để theo dõi độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm hóa mức bệnh lý.	ml	1
15	Erba Norm 20 ml	- Quy cách: $\geq 4 \times 5$ ml; - Huyết thanh chứng nội dùng để theo dõi độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm hóa mức bình thường.	ml	1
16	XL Multical	- Quy cách đóng gói: $\geq 4 \times 3$ ml; - Hóa chất hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người.	ml	1
17	Wash Solution	- Quy cách: $\geq 1 \times 5.000$ ml; - Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; - Thành phần : Baypur:natri hiđroxit ; Genapol; acid sunfonic , c14-17-sec-alkane, muối natri.	ml	1
<b>II. Hóa chất cho máy huyết học XP -100 (Hãng/nước sản xuất: Sysmex - Nhật Bản)</b>				
1	Dung dịch ly giải hồng cầu	- Quy cách: $\geq 500$ ml/Chai; - Công dụng: dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu; - Bảo quản: 2 - 35 độ C; - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng $\geq 90$ ngày; - Thành phần: Organic quaternary ammonium salt $\geq 8,5$ g/L và sodium chloride $\geq 0.6$ g/L.	ml	1
2	Dung dịch pha loãng	- Quy cách: $\geq 20.000$ ml/Thùng; - Công dụng: Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học; - Bảo quản: ở 5 - 30 độ C; - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng $\geq 60$ ngày; - Thành phần: Sodium Chlorride $\geq 6.38$ g/l, Boric Acid $\geq 1$ g/l, Sodium Tetraborate $\geq 0.2$ g/l, EDTA-2K $\geq 0.2$ g/l.	ml	1
<b>III. Hóa chất cho máy huyết học Celtac anpha (Hãng/nước sản xuất: Nihon Kohden-Nhật Bản)</b>				
1	Bộ chuẩn máy huyết học	- Quy cách: $\geq 7,5$ ml/bộ - Mẫu chứng nội dùng để theo dõi độ đúng và độ	ml	1

		chính xác của các xét nghiệm huyết học 3 mức : thấp, bình thường, cao. Thích hợp chạy trên máy huyết học Celtac anpha(Nihon Kohden-Nhật Bản) và máy huyết học XP -100 Sysmex - Nhật Bản)		
2	Dung dịch pha loãng	- Quy cách: $\geq 20.000\text{ml/Thùng}$ ; - Công dụng: Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học; - Bảo quản: ở 5 - 30 độ C; - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng $\geq 60$ ngày.	ml	1
3	Dung dịch ly giải hồng cầu	-Quy cách: $\geq 500\text{ml/Chai}$ ; - Công dụng: dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu; - Bảo quản: 2 - 35 độ C; - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng $\geq 90$ ngày; - Thành phần: Potassium cyanide $\geq 0,05\%$ ; Detergent $\geq 5,3\%$ ; Quaternary Ammonium Salt $\geq 5,0\%$ .	ml	1
4	Dung dịch rửa máy	- Quy cách: $\geq 5.000\text{ml/Thùng}$ ; - Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học; - Thành phần: Sodium chloride $\geq 0,9\%$ ; Detergent $\geq 1,1\%$ ; Buffer $\geq 0,3\%$ ; Stabiliser $\geq 0,3\%$ ; Dye $\geq 0,0001\%$ .	ml	1

\* **GHI CHÚ:** Gói thầu chia thành 03 phần, mỗi phần là 01 danh mục hoá chất theo từng máy (Bao gồm: *Hóa chất cho máy sinh hóa tự động AU 400; Hóa chất cho máy huyết học XP -100; Hóa chất cho máy huyết học Celtac anpha*). Nhà thầu có thể báo giá cho 01 phần hoặc tất cả các phần tùy theo năng lực của nhà thầu.

2. Địa điểm cung cấp hàng hoá: hàng hoá phải được giao đến kho tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (Cơ sở 2) - Địa chỉ: 394 Lê Đại Hành, Phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp.

- Khi thực hiện cung ứng hàng hoá, Nhà thầu phải đảm bảo đúng chất lượng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo hàng hoá phải tương thích với thiết bị hiện có của đơn vị.

3. Thời gian thực hiện dự kiến: tối đa trong vòng 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Sau khi thực hiện cung ứng hàng hoá theo hợp đồng đã ký và Nhà Thầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan (*Hoá đơn GTGT và các tài liệu khác (nếu có)*), Chủ đầu tư sẽ thanh toán theo từng đợt giao hàng hoá bằng hình thức chuyển khoản cho Nhà thầu.

5. Điều kiện xét duyệt báo giá: Báo giá chỉ được xem là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu như sau:

- Báo giá của Nhà thầu đúng theo Biểu mẫu của Chủ đầu tư đưa ra (*đính kèm Thông báo yêu cầu báo giá*);

- Báo giá được ký và đóng dấu xác nhận bởi người đại diện hợp pháp

hoặc được uỷ quyền bởi người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp dịch vụ.

- Thời gian có hiệu lực của báo giá đáp ứng theo yêu cầu.

Các trường hợp sai khác Biểu mẫu, thời gian hiệu lực của báo giá không đáp ứng (*thiếu*) theo yêu cầu, Báo giá không được đóng dấu xác nhận hoặc không được ký bởi người đại diện hợp pháp thì sẽ được xem là không hợp lệ, không được xem xét đánh giá và Bên mời báo giá sẽ không giải quyết các khiếu nại sau này.

6. Các thông tin khác (nếu có): Không.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

**GIÁM ĐỐC**

**Võ Thanh Nhơn**

Tên đơn vị Báo giá

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Số:...../.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Mẫu báo giá

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở Thông báo yêu cầu báo giá số:...../TB-KSBT ngày tháng 06 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, chúng tôi....[ghi tên, Mã số thuế, địa chỉ của nhà cung cấp hàng hoá; trường hợp nhiều nhà cung cấp hàng hoá cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ, mã số thuế của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hoá như sau:

1. Báo giá cho các hàng hoá liên quan

STT	Danh mục hàng hoá		Mô tả về hàng hoá và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Ký, mã, nhãn hiệu, model, thông số kỹ thuật, hãng sản xuất)	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
	Tên hàng hoá	Tên thương mại								
1	Hàng hoá A					ml				
n	...					ml				

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: **150 ngày, kể từ ngày 27 tháng 06 năm 2026** [Nhà thầu ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày kể từ ngày kết thúc nhận báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, đã bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện cung cấp hàng hoá đến nơi yêu cầu, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế GTGT, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp nhà cung cấp dịch vụ**

(Ký tên, đóng dấu)